

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2023/DS-PT.

Ngày 29 - 3 - 2023.

V/v “Tranh chấp quyền sử đất”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Lộc.

Bà Đặng Thị Ánh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Đức Hoài Mi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:

Ông Phan Thanh Hào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2023/TLPT - DS ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2022/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo và bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 38/2023/QĐ - PT ngày 27 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Ánh T, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số E, tổ B, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Bùi Thị Kim H, sinh năm 1963. Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Theo văn bản ủy quyền ngày 14/3/2023, có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Hồng S, sinh năm 1962 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ A, khóm A, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn là anh Trần Khắc V, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Theo văn bản ủy quyền ngày 27/3/2023, có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Ngô Hồng Q, sinh năm 1962 (Vắng mặt).
2. Anh Ngô Minh C, sinh năm 1985 (Vắng mặt).
3. Anh Ngô Hồng D, sinh năm 1989 (Vắng mặt).
4. Chị Ngô Thị Thúy O, sinh năm 1989 (Vắng mặt).
5. Cháu Ngô Nhã U, sinh năm 2015 (Vắng mặt).
6. Cháu Ngô Phương U1, sinh năm 2020 (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của cháu Ngô Nhã U và cháu Ngô Phương U1: Anh Ngô Hồng D, sinh năm 1989 (Cha đại diện cho con chưa thành niên, vắng mặt).

7. Chị Ngô Thị Thúy T1, sinh năm 1981 (Có mặt).
8. Cháu Trần Đăng K, sinh năm 2005 (Vắng mặt).
9. Cháu Trần Ngọc Khả Á, sinh năm 2009 (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của cháu Trần Đăng K và cháu Trần Ngọc Khả Á: Chị Ngô Thị Thúy T1, sinh năm 1982 (Mẹ đại diện cho con chưa thành niên, có mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ A, khóm A, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

10. Anh Trần Khắc V, sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Lê Thị Hồng S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị Thúy T1.

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 9 năm 2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Ánh T trình bày:

Anh T là chủ sử dụng thửa đất số 154, tờ bản đồ số 18, diện tích 54,1m², loại đất ở tại đô thị, tọa lạc khóm A, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 732292, sổ vào sổ cấp GCN: H6530 được Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 31/10/2006. Nguồn gốc phần đất này là nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn Đ. Thửa đất này giáp với thửa 155 do bà Lê Thị Hồng S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, từ năm 2016 đến nay bà S có hành vi lấn chiếm đất của anh T diện tích khoảng 12,2m² (Ngang 01m, dài 12,2m). Anh T đã làm đơn gửi đến Ủy ban nhân dân phường C hòa giải nhưng bà S không đồng ý trả lại phần đất lấn chiếm.

Anh T khởi kiện yêu cầu bà S di dời tài sản trả lại cho anh T phần đất lấn chiếm diện tích 12,2m² thuộc một phần thửa 154 tọa lạc khóm A, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn bà Lê Thị Hồng S trình bày:

Bà S là chủ sử dụng đất thửa số 155, tờ bản đồ số 18, diện tích 49,2m² loại đất ở tại đô thị theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 330878 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 10/3/2016. Thửa đất này giáp với thửa 154 của anh T. Nguồn gốc thửa đất này do bà S nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Huỳnh M, bà M nhận chuyển nhượng lại của ông Nguyễn Văn Đ, trên đất có nhà tiền chế xây sẵn và bà S sử dụng ổn định đến nay. Việc chuyển nhượng đất có giấy tờ, cắm trụ ranh và diện tích rõ ràng nên bà S mới đồng ý nhận chuyển nhượng của bà M. Hiện trạng nhận chuyển nhượng đất và nhà ở cho đến nay không thay đổi, bà S không có hành vi lấn đất của anh T.

Phần đất của anh T bị mất ngang khoảng 01m chạy dài theo thửa đất 12m là do ông Đ giao đất sai vị trí cụ thể: Khi ông Đ chuyển nhượng đất cho ông Hai N đã sử dụng phần đất của anh T ngang 01m, dài 12m để làm lối đi cho nhà ông Hai N nên đất anh T mới bị thiếu diện tích. Sau đó ông Đ phát hiện sai vị trí nên có vẽ sơ đồ thửa đất của anh T, bà S và chị T1 như sau: Cặp thửa đất của bà S là thửa đất của vợ chồng anh V, chị T1. Do chị T1 đứng tên quyền sử dụng đất thửa 156, tờ bản đồ số 18, diện tích 50,1m² loại đất ở tại đô thị bị lệch vị trí 01m thuộc đất của Bru điện B. Nếu anh T đồng ý hỗ trợ 50.000.000đ cho chị T1 thì phía anh V, chị T1 đồng ý di dời qua 01m và bà S cũng dời qua 01m để trả đất lại cho anh T.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Ngô Hồng Q, anh Ngô Minh C, anh Ngô Hồng D, chị Ngô Thị Thúy O thống nhất với ý kiến của bà Lê Thị Hồng S.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Ngô Thị Thúy T1 thống nhất với ý kiến của anh Trần Khắc V.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2022/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của anh Nguyễn Ánh T về việc yêu cầu bà Lê Thị Hồng S trả lại phần đất diện tích $3,1m^2$ thuộc tách thửa 155-1, tờ bản đồ số 18, loại đất ở tại đô thị tọa lạc khóm A, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 166, khoản 1 Điều 179 Luật Đất đai năm 2013; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ánh T.

1. Buộc bà Lê Thị Hồng S và ông Ngô Hồng Q tháo dỡ phần nhà, vật kiến trúc trả cho anh Nguyễn Ánh T phần đất diện tích $9,7m^2$ thuộc tách thửa 154-2, tờ bản đồ số 18, loại đất ở tại đô thị tọa lạc khóm A, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Buộc chị Ngô Thị Thúy T1 và anh Trần Khắc V tháo dỡ phần nhà, vật kiến trúc trả cho bà Lê Thị Hồng S phần đất diện tích $11,5m^2$ thuộc tách thửa 155-3, tờ bản đồ số 18, loại đất ở tại đô thị tọa lạc khóm A, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

(Kèm theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 25/02/2022 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã B)

Buộc bà Lê Thị Hồng S và ông Ngô Hồng Q tự chịu thiệt hại số tiền 7.616.000đ (Bảy triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng). Buộc anh Nguyễn Ánh T bồi thường cho bà Lê Thị Hồng S và ông Ngô Hồng Q số tiền 7.616.000đ (Bảy triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng).

Buộc chị Ngô Thị Thúy T1 và anh Trần Khắc V tự chịu thiệt hại số tiền 9.029.000đ (Chín triệu không trăm hai mươi chín nghìn đồng). Buộc anh Nguyễn Ánh T bồi thường cho chị Ngô Thị Thúy T1 và anh Trần Khắc V số tiền 9.029.000đ (Chín triệu không trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/9/2022 bị đơn bà Lê Thị Hồng S kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc buộc bị đơn trả phần diện tích đất $12,2m^2$, thuộc một phần thửa đất số 154 tọa lạc tại khóm A, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 21/9/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị Thúy T1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trường hợp chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn thì phía nguyên đơn phải hỗ trợ chi phí di dời và thiệt hại cho phía gia đình chị.

Ngày 05/10/2022 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long kháng nghị một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2022/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh theo hướng sửa một phần bản án sơ thẩm, hủy và đình chỉ giải quyết các nội dung án sơ thẩm đã tuyên về việc: Buộc anh V, chị T1 tháo dỡ phần nhà, vật kiến trúc để trả diện tích 11,5m² cho bà S, buộc anh T bồi thường thiệt hại cho chị T1 và anh V, buộc chị T1, anh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng. Do sửa án sơ thẩm nên các nghĩa vụ về án phí, chi phí tố tụng được sửa tương ứng với nghĩa vụ được xác định lại theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh V đại diện cho bà S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bà S.

Chị T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Bà H đại diện cho anh T không chấp nhận kháng cáo của bà S và chị T1. Bà không có ý kiến với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự có mặt đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS 2015.

- Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà S và chị T1.

- Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Sửa án sơ thẩm theo hướng: Hủy đình chỉ một phần án sơ thẩm về phần buộc anh V, chị T1 phải tháo dỡ một phần nhà vật kiến trúc trả cho bà S diện tích 11,5m² thuộc tách thửa 155-3. Buộc anh Nguyễn Ánh T bồi thường cho chị T1 và anh V số tiền 9.029.000đ. Đồng thời anh V, chị T1 phải chịu án phí DSST.

Về chi phí tố tụng: Anh T phải chịu chi phí tố tụng là 901.000 đồng. Bà S phải chịu chi phí tố tụng là 2.645.000 đồng.

Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng*: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Hồng S, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị Thúy T1 và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long đúng về hình thức, nội dung và còn trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

- *Về nội dung*:

[1] Nguyên đơn anh Nguyễn Ánh T yêu cầu bà Lê Thị Hồng S tháo dỡ, di dời công trình xây dựng trên đất và tài sản gắn liền với đất để trả lại cho anh T phần đất lấn chiếm diện tích theo đo đạc thực tế là 9,7m² thuộc thửa 154, tờ bản đồ số 18 là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 25/02/2022 của phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã B thể hiện diện tích đất tranh chấp giữa anh T và bà S là 12,8m² (Trong đó có 9,7m² thuộc tách thửa 154-2 nằm trong thửa 154 tờ bản đồ số 18, diện tích 54,1m², loại đất ở đô thị, tọa lạc khóm A, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long do anh Nguyễn Ánh T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có 3,1m² thuộc tách thửa 155-1 nằm trong thửa 155 tờ bản đồ số 18, diện tích 49,2m², loại đất ở đô thị, tọa lạc khóm A, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long do bà Lê Thị Hồng S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Tại phiên tòa sơ thẩm anh T rút lại yêu cầu đối với diện tích 3,1m² thuộc tách thửa 155-1. Tòa cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu anh T đã rút và buộc bà S và ông Q tháo dỡ, di dời phần nhà, vật kiến trúc trả cho anh T phần đất diện tích 9,7m² thuộc tách thửa 154-2, tờ bản đồ số 18, loại đất ở đô thị tọa lạc tại khóm A, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Buộc bà S và ông Q tự chịu thiệt hại số tiền 7.616.000đ. Buộc anh T bồi thường cho bà S và ông Quân số tiền 7.616.000đ là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của bà S.

[2] Xét thấy, theo đơn khởi kiện ngày 11/9/2020 (Bút lục số 03) và thông báo thụ lý vụ án số: 145/2020/TB-TLVA ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh thể hiện nguyên đơn anh T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà S tháo dỡ

công trình xây dựng trên đất và tài sản gắn liền với đất để trả lại cho anh T phần đất lấn chiếm diện tích $12,2\text{m}^2$ (Diện tích đo đạc thực tế $9,7\text{m}^2$) thuộc thửa 154 tổng diện tích $54,1\text{m}^2$ do anh T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh không có thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn, không có thụ lý yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Như vậy, căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 11/9/2020 của anh T đã được Tòa án thụ lý cũng như trong quá trình giải quyết vụ án anh T chỉ tranh chấp yêu cầu bà S tháo dỡ, di dời công trình xây dựng trên đất và tài sản gắn liền với đất để trả lại cho anh T phần đất lấn chiếm diện tích $12,2\text{m}^2$ (Diện tích đo đạc thực tế $9,7\text{m}^2$) thuộc thửa 154 tổng diện tích $54,1\text{m}^2$ do anh T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh T, bà S, chị T1 và anh V không có yêu cầu giải quyết đối với diện tích $11,5\text{m}^2$ thuộc thửa 155 do bà S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tuy nhiên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2022/DS-ST ngày 06/9/2022 Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh tuyên buộc chị T1 và anh V tháo dỡ phần nhà, vật kiến trúc trả cho bà S phần đất tại tách thửa 155-3 diện tích $11,5\text{m}^2$. Buộc chị T1, anh V tự chịu thiệt hại số tiền 9.029.000đ. Buộc anh T bồi thường cho chị T1 và anh V số tiền 9.029.000đ. Đồng thời buộc chị T1, anh V chịu án phí dân sự sơ thẩm và buộc chị T1 chịu chi phí tố tụng là giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện của anh T đã được Tòa án thụ lý; vi phạm quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự. Do án sơ thẩm có vi phạm về thủ tục tố tụng, tuyên án vượt quá phạm vi khởi kiện của đương sự làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh T, chị T1 và anh V. Nên chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long và chấp nhận một phần kháng cáo của chị T1 sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2022/DS-ST ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh như sau: Hủy và đình chỉ giải quyết nội dung án sơ thẩm tuyên buộc chị T1, anh V tháo dỡ phần nhà, vật kiến trúc để trả diện tích $11,5\text{m}^2$ cho bà S; Buộc chị T1, anh V tự chịu thiệt hại số tiền 9.029.000đ, buộc anh T bồi thường thiệt hại cho chị T1 và anh V số tiền 9.029.000đ; buộc chị T1 chịu tiền chi phí tố tụng 1.182.000đ; buộc chị T1 và anh V phải chịu tiền án phí sơ thẩm 300.000đ.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại như sau:

[3.1] Về chi phí tố tụng là: 3.546.000đ, anh T đã nộp tạm ứng 3.546.000đ.

Buộc anh T nộp 25% chi phí tố tụng bằng số tiền 886.500đ (T2 trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm đồng), trừ vào tiền tạm ứng anh T đã nộp nên anh T không phải nộp thêm.

Buộc bà S và ông Q nộp 75% chi phí tố tụng bằng số tiền 2.659.500đ (Hai triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn năm trăm đồng), anh T đã nộp tạm ứng trước.

Nên buộc bà S và ông Q có nghĩa vụ nộp trả lại anh T 2.659.500đ (Hai triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn năm trăm đồng).

[3.2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Nguyễn Ánh T nộp 380.800đ (Ba trăm tám mươi nghìn tám trăm đồng), trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh T đã nộp 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh theo biên lai thu số 0010525 ngày 10/11/2020. Anh T còn phải tiếp tục nộp 80.800đ (Tám mươi nghìn tám trăm đồng).

Buộc bà Lê Thị Hồng S và ông Ngô Hồng Q nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo là bà Lê Thị Hồng S và chị Ngô Thị Thúy T1 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà S và chị T1 mỗi người 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 và khoản 4 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long; chấp nhận một phần kháng cáo của chị Ngô Thị Thúy T1; không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Hồng S; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2022/DS-ST ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

Áp dụng: Các Điều 147, 148, 157, 158, 165, 166 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 166 và khoản 1 Điều 179 Luật đất đai năm 2013; Điều 164 và 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, 27 và 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ánh T.

1.1. Buộc bà Lê Thị Hồng S và ông Ngô Hồng Q tháo dỡ, di dời nhà và vật kiến trúc ra khỏi phần đất diện tích 9,7m² thuộc tách thửa 154-2, tờ bản đồ số 18, loại đất ở đô thị tọa lạc tại khóm A, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long được xác định qua các mốc 2,13,15,14,2 để trả lại cho anh Nguyễn Ánh T (Kèm theo Trích

đo bản đồ địa chính khu đất ngày 25/02/2022 của phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã B).

1.2. Buộc bà Lê Thị Hồng S và ông Ngô Hồng Q tự chịu thiệt hại số tiền 7.616.000đ (Bảy triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng). Buộc anh Nguyễn Ánh T phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà Lê Thị Hồng S và ông Ngô Hồng Q số tiền 7.616.000đ (Bảy triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với việc anh Nguyễn Ánh T yêu cầu bà Lê Thị Hồng S trả lại cho anh T phần đất diện tích 3,1m² thuộc tách thửa 155-1, tờ bản đồ số 18, loại đất ở đô thị tọa lạc khóm A, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

3. Hủy và đình chỉ giải quyết vụ án các nội dung án sơ thẩm tuyên buộc chị T1 và anh V tháo dỡ phần nhà, vật kiến trúc để trả diện tích 11,5m² cho bà S; buộc chị T1 và anh V tự chịu thiệt hại số tiền 9.029.000đ, buộc anh T bồi thường thiệt hại cho chị T1 và anh V số tiền 9.029.000đ; buộc chị T1 chịu tiền chi phí tố tụng 1.182.000đ; buộc chị T1 và anh V phải chịu tiền án phí sơ thẩm 300.000đ.

4. Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Về chi phí tố tụng:

Buộc anh T nộp 886.500đ (Tám trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm đồng), trừ vào tiền tạm ứng anh T đã nộp nên anh T không phải nộp thêm.

Buộc bà S và ông Q nộp 2.659.500đ (Hai triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn năm trăm đồng), anh T đã nộp tạm ứng trước. Nên buộc bà S và ông Q có nghĩa vụ nộp trả lại anh T 2.659.500đ (Hai triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn năm trăm đồng).

4.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Nguyễn Ánh T nộp 380.800đ (Ba trăm tám mươi nghìn tám trăm đồng), trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh T đã nộp 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh theo biên lai thu số 0010525 ngày 10/11/2020. Anh T còn phải tiếp tục nộp 80.800đ (Tám mươi nghìn tám trăm đồng).

Buộc bà Lê Thị Hồng S và ông Ngô Hồng Q nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Hồng S và chị Ngô Thị Thúy T1 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà S và chị T1 mỗi

người 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh theo các biên lai thu số 0012832 và 0012833 cùng ngày 30/9/2022.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại TP HCM: 01b;
- VKSND CC tại TP HCM: 01b;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- CA.TAND TVL: 01b;
- Phòng KTNV&THA TAND TVL: 01b;
- TAND thị xã Bình Minh: 01b;
- Chi cục THADS thị xã Bình Minh: 01b;
- Mỗi đương sự: 01b;
- Lưu HS: 06b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Trường